

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2025/DS-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v tranh chấp hợp dân sự vay
tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 –
Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố
Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7
năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 217/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số
30/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: Số G, khu phố T,
phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).
Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Quốc D, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường
Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 01/10/2024 ông M có cho ông Trịnh Quốc D vay số tiền 10.000.000
đồng. Theo thỏa thuận của giấy vay thì ông D phải trả ông đủ số tiền 10.000.000 đồng và
02 bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng, mỗi tháng ông D phải trả cho ông 20%/năm. Tuy
nhiên, đến nay ông D không trả nợ gốc và lãi cho ông. Khoảng 02 tuần sau, ông D lại vay
của ông số tiền 5.000.000 đồng, có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay là 20%/năm và ông

đã chuyển khoản cho ông D, ông D hẹn ông sau 02 tuần sẽ trả tiền cho ông, nhưng đến nay ông D không trả tiền cho ông. Tổng cộng ông cho ông D vay số tiền 15.000.000 đồng.

Nhiều lần ông yêu cầu ông D trả tiền, nhưng ông D không trả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Quốc D phải thanh toán cho ông nợ gốc 15.000.000 đồng và lãi 30%/năm.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền ngày 01/10/2024; bản sao kê tài khoản.

- Bị đơn ông Trịnh Quốc D đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông D không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận một phần về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng theo giấy vay ngày 01/10/2024 và 4.900.000 đồng theo chứng từ chuyển khoản ngày 26/10/2024 và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Quốc D; địa chỉ: Số A, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) trả tiền nợ vay và lãi phát sinh. Xét, đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn

phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông M yêu cầu ông D phải trả số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy mượn tiền ngày 01/10/2024 và chứng từ chuyển khoản ngày 26/10/2024. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 01/10/2024 có nội dung thể hiện “Ông Trịnh Quốc D cư trú 155A, khu phố Đ, p Đông Hòa TP. DA số CM: 280659091 có mượn anh Ng Văn M1 với số tiền là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) thời gian 3 tháng, tôi cam kết trả đúng thời hạn...”. Như vậy, theo giấy mượn tiền này có căn cứ xác định ông M1 cho ông D vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng (ngày 01/01/2025) phải thanh toán cho ông M1. Nhưng đến hạn ông D không trả cho ông M1 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M1 khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền 10.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 01/10/2024 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng ông M1 cho rằng cho ông D vay bằng hình thức chuyển khoản. Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 26/10/2024 ông M1 chuyển vào tài khoản số 0461000498267 của ông Trịnh Quốc D số tiền 4.900.000 đồng. Ngày 03/6/2025 ông M1 gửi thông báo về việc yêu cầu ông D chậm nhất đến ngày 08/6/2025 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông M1 tổng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh qua đường bưu điện. Qua tra cứu bưu gửi thể hiện vào ngày 05/6/2025 ông D đã nhận được thông báo của ông M1, nhưng đến ngày 08/6/2025 ông D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M1 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M1 khởi kiện yêu cầu ông D trả tiền là có căn cứ. Tuy nhiên, theo chứng cứ chuyển khoản thể hiện vào ngày 26/10/2024 ông M1 chỉ chuyển vào tài khoản của ông D số tiền 4.900.000 đồng nên chỉ có căn cứ chấp nhận buộc ông D phải thanh toán số tiền 4.900.000 đồng cho ông M1.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn. Xét thấy, giấy mượn tiền ngày 01/10/2024 các bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng ông M1 cho rằng các bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất 8%/tháng và ông M1 khởi kiện yêu cầu ông D phải trả tiền lãi với mức lãi suất 30%/năm.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định về lãi suất như sau:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Đối chiếu quy định trên thì chỉ có căn cứ chấp nhận lãi suất cho ông M1 là 10%/năm; 0,83%/tháng, cụ thể:

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng. Ngày 01/01/2025 ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D phải chịu trả tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) là $10.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 0,83\% = 730.400 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay 4.900.000 đồng. Theo thông báo về việc yêu cầu trả nợ vay, ông M1 yêu cầu ông D chậm nhất đến ngày 08/6/2025 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông M1. Đến ngày 08/6/2025 ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông D phải chịu trả tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 08/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2025) là $4.900.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} \times 0,83\% = 143.701 \text{ đồng}$.

[5] Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1 về nợ gốc và tiền lãi. Buộc ông Trịnh Quốc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền 15.774.101 đồng (trong đó nợ gốc 14.900.000 đồng, nợ lãi 874.101 đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về số tiền 100.000 đồng mà ông M cho rằng đã chuyển khoản cho ông D vay và tiền lãi vượt quá 10%/năm.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông M đã trên 60 tuổi là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi năm 2009 thì ông M thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông M được miễn án phí.

Bị đơn ông Trịnh Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự
- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn ông Trịnh Quốc D.

2. Buộc ông Trịnh Quốc D phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 15.774.101 đồng (trong đó nợ gốc 14.900.000 đồng, nợ lãi 874.101 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M về việc yêu cầu ông Trịnh Quốc D phải thanh toán số tiền 100.000 đồng chuyển khoản và tiền lãi vượt quá 10%/năm.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Trịnh Quốc D phải chịu 788.705 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết